**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

1. **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản truyện (truyền thuyết, cổ tích)/ thơ. | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***10*** | ***20*** | ***10*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản truyện (truyền thuyết, cổ tích). | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu đặc trưng của thể loại, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, lời người kể chuyện và lời nhân vật...  - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản  - Nhận ra từ láy, nghĩa của từ ngữ, cụm từ và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản.  - Lí giải được ý nghĩa của các chi tiết tiêu biểu.  - Hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ.  - Hiểu được nghĩa của từ, tác dụng của từ láy.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.  - Trình bày được một cách ngắn gọn những cảm xúc về một chi tiết yêu thích từ văn bản. | **4 TN** | **4TN** | **2TL** |  |
|  |  | Văn bản thơ | **Nhận biết:**  - Phương thức biểu đạt, thể thơ, vần, nhịp...  - Nhận diện các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận ra từ láy, nghĩa của từ ngữ, cụm từ và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong văn bản.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ.  - Hiểu đượcnghĩa của từ ngữ, tác dụng của từ láy.  - Hiểu nội dung, bài học, thông điệp từ văn bản.  **Vận dụng:**  - Ý nghĩa, cảm xúc của bài thơ đối với mỗi người.  - Liên hệ vấn đề trong văn bản với cuộc sống (bài học, cách nghĩ và cách ứng xử)… |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) diễn ra trong phạm vi trường học. | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được vấn đề cần bày tỏ ý kiến.  **Thông hiểu:**  - Hiểu vấn đề nghị luận  - Trình bày rõ ràng ý kiến về vấn đề  - Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe.  **Vận dụng:**  Vận dụng kỹ năng viết bài văn trình bày ý kiến để tạo lập bài viết đúng đặc trưng thể loại.  **Vận dụng cao:**  Bày tỏ sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề, duy trì được mạch lạc và liên kết trong bài viết. |  |  |  | **1TL** |
| **Tổng số câu** | | | | **4 TN** | **4TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **30** | **30** | **30** | **10** |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

# I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

***Con yêu mẹ***

|  |  |
| --- | --- |
| *- Con yêu mẹ bằng ông trời*  *Rộng lắm không bao giờ hết*  *- Thế thì làm sao con biết*  *Là trời ở những đâu đâu*  *Trời rất rộng lại rất cao*  *Mẹ mong, bao giờ con tới!*  *- Con yêu mẹ bằng Hà Nội*  *Để nhớ mẹ con tìm đi*  *Từ phố này đến phố kia*  *Con sẽ gặp ngay được mẹ*  *- Hà Nội còn là rộng quá*  *Các đường như nhện giăng tơ*  *Nào những phố này phố kia*  *Gặp mẹ làm sao gặp hết!*  *- Con yêu mẹ bằng trường học*  *Suốt ngày con ở đấy thôi*  *Lúc con học, lúc con chơi*  *Là con cũng đều có mẹ* | * *Nhưng tối con về nhà ngủ*   *Thế là con lại xa trường*  *Còn mẹ ở lại một mình*    *Thì mẹ nhớ con lắm đấy*  *Tính mẹ cứ là hay nhớ*  *Lúc nào cũng muốn bên con*  *Nếu có cái gì gần hơn*  *Con yêu mẹ bằng cái đó*   * *À mẹ ơi có con dế*   *Luôn trong bao diêm con đây*  *Mở ra là con thấy ngay*  *Con yêu mẹ bằng con dế.* |

(Trích *Thơ cho thiếu nhi* - Nhiều tác giả, NXB Văn học, 2019, tr.172,173*)*.

**Câu 1.** *(0.5 điểm)* Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản.

1. Tự sự kết hợp miêu tả.
2. Biểu cảm kết hợp miêu tả.
3. Tự sự kết hợp biểu cảm.
4. Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.

**Câu 2.** Cụm từ *“những phố này”* trong dòng thơ “*Nào những phố này phố kia”* là:

A. Cụm động từ. B. Cụm danh từ.

C. Cụm tính từ. D. Không phải cụm từ.

**Câu 3.** *(0.5 điểm)* Tình yêu của đứa con dành cho mẹ được tác giả so sánh với hình ảnh nào?

1. Ông trời, mặt trăng, con dế.
2. Hà Nội, đường đi, ông mặt trời.
3. Ông trời, Hà Nội, trường học, con dế.
4. Con dế, mặt trời, con đường đi.

**Câu 4.** *(0.5 điểm)* Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ: *“Con yêu mẹ bằng trường học”*

A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

**Câu 5.** *(0.5 điểm)* Văn bản là tình cảm của ai dành cho ai?

1. Tình cảm của mẹ dành cho con.
2. Tình cảm của con dành cho mẹ.
3. Tình cảm của mẹ dành cho thiên nhiên.
4. Tình cảm của con dành cho trường học.

**Câu 6.** *(0.5 điểm)* Nghĩa của từ *“đường”* trong câu thơ:*“Các đường như nhện giăng tơ”* là:

A. Chất kết tinh có vị ngọt. B. Nhiều lối đi được tạo ra để nối liền các điểm.

1. Phương diện nào đó trong đời sống con người.
2. Cách thức tiến hành để đạt được mục đích.

**Câu 7.** *(0.5 điểm)* Chủ đề của văn bản là:

1. Tình yêu thiên nhiên.
2. Tình yêu trường học.
3. Tình mẫu tử.
4. Tình phụ tử.

**Câu 8.** *(0.5 điểm)* Hai câu thơ*: “Con yêu mẹ bằng ông trời / Rộng lắm không bao giờ hết”* có nghĩa là:

1. Khẳng định hình ảnh ông trời bao la, rộng lớn.
2. Khẳng định hình dáng của mẹ to lớn, vĩ đại.
3. Khẳng định tình yêu thương của mẹ dành cho con.
4. Khẳng địnhtình yêu rộng lớn, bao la của con dành cho mẹ.

**Câu 9.** *(1.0 điểm)* Nêu cảm xúc của em sau khi đọc văn bản*“Con yêu mẹ”.*

**Câu 10.** *(1,0 điểm)* Qua văn bản*“Con yêu mẹ”,* bản thân em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề đọc sách của học sinh trong trường học hiện nay.

**ĐỀ 2:**

# I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

***Con yêu mẹ***

|  |  |
| --- | --- |
| * *Con yêu mẹ bằng ông trời*   *Rộng lắm không bao giờ hết*   * *Thế thì làm sao con biết*   *Là trời ở những đâu đâu Trời rất rộng lại rất cao Mẹ mong, bao giờ con tới!*   * *Con yêu mẹ bằng Hà Nội*   *Để nhớ mẹ con tìm đi*  *Từ phố này đến phố kia*  *Con sẽ gặp ngay được mẹ*   * *Hà Nội còn là rộng quá*   *Các đường như nhện giăng tơ Nào những phố này phố kia Gặp mẹ làm sao gặp hết!*   * *Con yêu mẹ bằng trường học*   *Suốt ngày con ở đấy thôi*  *Lúc con học, lúc con chơi*  *Là con cũng đều có mẹ* | * *Nhưng tối con về nhà ngủ*   *Thế là con lại xa trường*  *Còn mẹ ở lại một mình*    *Thì mẹ nhớ con lắm đấy*  *Tính mẹ cứ là hay nhớ*  *Lúc nào cũng muốn bên con*  *Nếu có cái gì gần hơn*  *Con yêu mẹ bằng cái đó*   * *À mẹ ơi có con dế*   *Luôn trong bao diêm con đây Mở ra là con thấy ngay*  *Con yêu mẹ bằng con dế.* |

(Trích *Thơ cho thiếu nhi* - Nhiều tác giả, NXB Văn học, 2019, tr.172,173*)*.

**Câu 1.** *(0.5 điểm)* Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ:*“Con yêu mẹ bằng trường học”*

1. So sánh. B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.

**Câu 2.** *(0.5 điểm)* Chủ đề của văn bản là:

A. Tình yêu thiên nhiên.

1. Tình yêu trường học.
2. Tình mẫu tử.
3. Tình phụ tử.

**Câu 3.** *(0.5 điểm)* Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản.

1. Tự sự kết hợp miêu tả.
2. Biểu cảm kết hợp miêu tả.
3. Tự sự kết hợp biểu cảm.
4. Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.

**Câu 4.** *(0.5 điểm)* Tình yêu của đứa con dành cho mẹ được tác giả so sánh với hình ảnh nào?

1. Ông trời, mặt trăng, con dế.
2. Hà Nội, đường đi, ông mặt trời.
3. Ông trời, Hà Nội, trường học, con dế.
4. Con dế, mặt trời, con đường đi.

**Câu 5.** *(0.5 điểm)* Hai câu thơ*:“Con yêu mẹ bằng ông trời / Rộng lắm không bao giờ hết”* có nghĩa là:

1. Khẳng định hình ảnh ông trời bao la, rộng lớn.
2. Khẳng định hình dáng của mẹ to lớn, vĩ đại.
3. Khẳng định tình yêu thương của mẹ dành cho con.
4. Khẳng địnhtình yêu rộng lớn, bao la của con dành cho mẹ.

**Câu 6.** *(0.5 điểm)* Văn bản là tình cảm của ai dành cho ai?

1. Tình cảm của mẹ dành cho con.
2. Tình cảm của con dành cho mẹ.
3. Tình cảm của mẹ dành cho thiên nhiên.
4. Tình cảm của con dành cho trường học.

**Câu 7.** *(0.5 điểm)* Nghĩa của từ *“đường”* trong câu thơ:*“Các đường như nhện giăng tơ”* là:

1. Chất kết tinh có vị ngọt.
2. Nhiều lối đi được tạo ra để nối liền các điểm.
3. Phương diện nào đó trong đời sống con người.
4. Cách thức tiến hành để đạt được mục đích.

**Câu 8.** Cụm từ *“những phố này”* trong dòng thơ “*Nào những phố này phố kia”* là:

A. Cụm động từ. B. Cụm danh từ.

C. Cụm tính từ. D. Không phải cụm từ.

**Câu 9.** *(1,0 điểm)* Qua văn bản*“Con yêu mẹ”,* bản thân em sẽ làm gì để thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ?

**Câu 10.** *(1.0 điểm)* Nêu cảm xúc của em sau khi đọc văn bản*“Con yêu mẹ”.*

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề đọc sách của học sinh trong trường học hiện nay.

***……………………*Hết*……………….***

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

# A. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Cán bộ chấm thi cần nắm vững những yêu cầu cần đạt trong Đáp án – thang điểm của Phòng Giáo dục và Đào tạo để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh. Ở phần Viết, do đặc trưng của môn Ngữ văn, cán bộ chấm thi cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm. Khuyến khích, trân trọng những bài làm có tính sáng tạo, những bài có ý kiến và giọng điệu riêng. Chấp nhận các kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí, có sức thuyết phục.
2. Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong Đáp án - thang điểm phải được thống nhất trong tổ chấm thi và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi câu.
3. Bài thi được chấm theo thang điểm 10; lấy lẻ đến 0.25.

# B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **Mã đề 2** |  |
| **1** | D | 0.5 |
| **2** | B | 0.5 |
| **3** | C | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | B | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | C | 0.5 |
| **8** | D | 0.5 |
| **9** | Thí sinh bày tỏ được cảm xúc của bản thân sau khi đọc bài thơ miễn là nhân văn, hợp lý.   * Trân trọng, cảm phục trước tình yêu thương mẹ hồn nhiên, trong trẻo của người con. * Khơi gợi, bồi đắp tình yêu thương mẹ thiết tha, sâu nặng *Lưu ý:* * *Thí sinh nêu được* ***một*** *trong* ***hai*** *ý là cho 1,0 điểm* | 1.0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | *- Thí sinh chỉ nêu ấn tượng về nghệ thuật mà không nêu được cảm xúc về nội dung của bài thơ : 0.25 điểm* |  |
| **10** | Thí sinh nêu được một số cách ứng xử thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ miễn là nhân văn, hợp lý. *Lưu ý:*   * *Thí sinh diễn đạt chặt chẽ, trong sáng: mỗi ý: 0,5* * *Thí sinh diễn đạt vụng về, ý chưa rõ: mỗi ý: 0,25* | 1,0 |
| **Mã đề 1** | |  |
| **1** | A | 0.5 |
| **II** | **2** | C | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | C | 0.5 |
| **5** | D | 0.5 |
| **6** | B | 0.5 |
| **7** | B | 0.5 |
| **8** | B | 0.5 |
| **9** | Thí sinh nêu được một số cách ứng xử thể hiện tình cảm của mình với cha mẹ miễn là nhân văn, hợp lý.  ***Lưu ý:***   * *Thí sinh diễn đạt chặt chẽ, trong sáng: mỗi ý: 0,5* * *Thí sinh diễn đạt vụng về, ý chưa rõ: mỗi ý: 0,25* | 1,0 |
| **10** | Thí sinh bày tỏ được cảm xúc của bản thân sau khi đọc bài thơ miễn là nhân văn, hợp lý.   * Trân trọng, cảm phục, xúc động… trước tình yêu thương mẹ hồn nhiên, trong trẻo của người con. * Khơi gợi, bồi đắp tình yêu thương mẹ thiết tha, sâu nặng.   ***Lưu ý:***   * *Thí sinh nêu được một trong hai ý là cho 1,0 điểm* * *Thí sinh chỉ nêu ấn tượng về nghệ thuật mà không nêu được cảm xúc về nội dung của bài thơ: 0.25 điểm* | 1,0 |
|  | **Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề đọc sách của học sinh trong trường học hiện nay.** | **4,0** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:*  *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* vấn đề đọc sách của học sinh trong trường học hiện nay | 0.25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*:  *Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đúng kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống; dùng lí lẽ và bằng chứng để ý kiến của bản thân thuyết phục:*  *Sau đây là một định hướng:*  \* Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: vấn đề đọc sách của học sinh trong trường học - thể hiện ý kiến của bản thân.   * Đọc sách là hoạt động quan trọng và cần thiết của học sinh trong trường học hiện nay.   + Đọc sách là hoạt động tích cực bởi vì đọc sách giúp học sinh mở mang trí tuệ, bồi dưỡng kiến thức… theo kịp bước tiến của xã hội. + Đọc sách giúp học sinh bồi đắp tâm hồn, tình cảm cao đẹp và biết bao lẽ sống nhân văn.  + Đọc sách còn là hoạt động lành mạnh giúp học sinh giải trí, thư giãn.   * Khẳng định lại ý kiến của bản thân, bước đầu đề xuất thái độ, hành động về vấn đề đọc sách | 0.5        1.0    0.5    0.5    0.5 |
|  | *d. Chính tả, dùng từ, đặt câu*  Đảm bảo quy tắc chính tả, ngữ nghĩa, dùng từ, đặt câu. | 0.25 |
|  | *e. Sáng tạo*  Bày tỏ sự hiểu biết sâu sắc về vấn đề, duy trì được mạch lạc và liên kết trong bài viết | 0.25 |
|  | *Dự kiến các phương án:*   1. Phương án 1: Thí sinh làm đúng kiểu bài trình bày nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống theo hướng như đáp án thì điểm tối đa: 4.0 2. Phương án 2: Thí sinh làm đúng kiểu bài trình bày nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống theo hướng trình bày ý kiến về thực trạng tiêu cực của vấn đề đọc sách (học sinh lười đọc, xem mạng, trò chơi nhiều hơn…); dùng lí lẽ và bằng chứng để ý kiến của bản thân thuyết phục thì điểm tối đa: 4,0 3. Phương án 3: Thí sinh làm đúng kiểu bài trình bày nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống theo hướng kết hợp |  |
|  |  | cả bày tỏ ý kiến cá nhân về sự cần thiết của vấn đề đọc sách và thực trạng tiêu cực của vấn đề đọc sách thì điểm tối đa: 4,0  4. Sa vào kiểu bài nghị luận (suy nghĩ) về sự việc, hiện tượng đời sống thì điểm tối đa: 3,0 |  |